

Bản án số: 43/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 29/6/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Khải và bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Xuân Tuấn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai L; Sinh năm: 1984;
Nơi ĐKNKTT: Thôn 24, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Địa chỉ nơi ở: CT11 K, K1, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình N; Sinh năm: 1983;
Nơi ĐKNKTT: Thôn 24 (Bản Ph), xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội phạm nhân số 09, trại giam N, Bộ Công An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và Anh Nguyễn Đình N đăng ký kết hôn từ ngày 13/11/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xảy ra cãi nhau. Anh N ham chơi, không chăm lo việc nhà con cái. Đến năm 2020 Anh N bị bắt về hành vi phạm tội và hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam N. Xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc chị L cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh N; Chị cho rằng vì tình cảm không

còn nên chị cũng không muốn và không có điều kiện để lên trại giam để hoà giải với Anh N.

Về con chung: anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 10/08/2008 và cháu Nguyễn Hương G sinh ngày 18/10/2016, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M và cháu G, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện nay Anh N đang chấp hành án không có điều kiện chăm sóc nuôi con chung. Bản thân chị L hiện làm nhân viên bán hàng thu nhập trung bình từ 7 đến 9 triệu đồng / 01 tháng đủ để chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu.

Về quan hệ tài sản: Chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chị L có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và vì lý do công việc chị xin xét xử vắng mặt chị tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 13/5/2022 và trong quá trình giải quyết bị đơn Anh Nguyễn Đình N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N có đăng ký kết hôn với chị L tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc từ năm 2007. Quá trình chung sống từ khi kết hôn đến nay giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Anh N có nguyện vọng xem xét hoà giải cho hai vợ chồng anh.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 10/08/2008 và cháu Nguyễn Hương G sinh ngày 18/10/2016. Anh N mong muốn Tòa án hoà giải cho hai vợ chồng để có thể nuôi dưỡng các cháu sau này có một tương lai tốt đẹp.

Về quan hệ tài sản: Anh N không có ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Ngoài ra Anh N có nguyện vọng để chị L lên trại giam để gặp mặt giải quyết tình cảm. Anh N còn đề nghị Tòa án gia hạn giải quyết vụ án đến tháng 02 năm 2023. Vì lý do phải chấp hành án nên không thể tham gia tố tụng, Anh N xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử vụ án.

Tòa án tiến hành xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng xác định: Hai vợ chồng chị L và Anh N chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng. Năm 2020 Anh N đã bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang đi chấp hành án. Hai anh chị có hai con chung cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 10/08/2008 và cháu Nguyễn Hương G sinh ngày 18/10/2016, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Chị L hiện đi làm nhân viên có đủ thu nhập đảm bảo nuôi các con chung.

Cháu Nguyễn Tuấn M có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên khẳng định: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đảm bảo đúng qui định; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 36 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị L được ly hôn với Anh N; Căn cứ các điều 58, điều 69, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu M và cháu G cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng

và giáo dục; áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chỉ L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 12/4/2022 chị Nguyễn Thị Mai L nộp đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với Anh Nguyễn Đình N; Địa chỉ: Thôn 24, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 9, trại giam N, Bộ Công An. Chị L có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 13/4/2022 chị L đã nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Mai L và Anh Nguyễn Đình N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Chị L, Anh N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai L và Anh Nguyễn Đình N kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ vào ngày 13/11/2007, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L, Anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện Anh N đang phải đi chấp hành án không còn ở cùng nhau, không thể quan tâm và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm và do năm 2020 Anh N đã bị bắt, bị xử phạt tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Những nội dung này đã được xác minh tại nơi cư trú của anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định Anh N đã vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của người chồng, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện được các công việc trong gia đình với chị L. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị L, giải quyết cho ly hôn giữa chị L với Anh N.

Anh N cho rằng hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì và muốn hoà giải. Tuy nhiên chị L khẳng định tình cảm chị đối với Anh N không còn, chị L cương quyết xin ly hôn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng đã được Tòa án xác minh làm rõ. Cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của Anh N. Mặt khác Anh N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vào tháng 2 năm 2023, xét thấy đây không phải là căn

cứ tạm đình chỉ giải quyết vụ việc; Đồng thời nêu đề đến thời điểm đó mới giải quyết vụ việc sẽ không đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật, không đảm bảo quyền lợi chính đáng của đương sự khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nguyện vọng này của Anh N.

Về con chung: Chị L và Anh N có hai con chung là Nguyễn Tuấn M sinh ngày 10/08/2008 và cháu Nguyễn Hương G sinh ngày 18/10/2016. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu là phù hợp với nguyện vọng của cháu Minh và phù hợp với điều kiện hiện nay của hai anh chị; Hiện Anh N đang cải tạo, không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị L, cần căn cứ các qui định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu M và cháu G cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Các đương sự không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị L phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai L, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai L và Anh Nguyễn Đình N.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Tuấn M sinh ngày 10/08/2008 và cháu Nguyễn Hương G sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị Mai L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0004950 ngày 13/4/2022, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND thị trấn Yên Lập;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc